

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2021

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Khiết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Bấy.

2. Bà Vũ Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1977. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2021 và những lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Văn C tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau thời gian tìm hiểu hai bên thống nhất về chung sống với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào tháng 9/1997 (âm lịch). Tuy nhiên, chị và anh C không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị và anh C về chung sống cùng nhau ngay tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống chung giữa chị và anh C hạnh phúc được một thời gian

dài. Đến năm 2019 thì chị và anh C phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên không hợp nhau dẫn đến không có hạnh phúc, không có tiếng nói chung, tình cảm không hàn gắn được. Chị và anh C ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, không còn quan hệ tình cảm gì, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh C, chị đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Trần Chung Ch, sinh năm 1999 và Trần Thị Lan A, sinh năm 2001. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn C trình bày tại Bản tự khai:

Anh và chị Trần Thị L tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới hỏi và về sống chung cùng nhau tại thôn Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang từ ngày 12/9/1997 (âm lịch), nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu anh và chị L chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên dần dần hết tình cảm. Anh và chị L đã ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị L, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý và nhất trí với yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Trần Chung Ch, sinh năm 1999 và Trần Thị Lan A, sinh năm 2001. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Trần Chung Ch và chị Trần Thị Lan A trình bày tại Bản tự khai: Anh chị là con chung của mẹ Trần Thị L và bố Trần Văn C. Bố mẹ anh chị chung sống từ năm 1997 đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hay xảy ra cãi nhau. Anh chị không có ý kiến gì về việc mẹ anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa mẹ anh và bố anh. Anh chị xác định không đóng góp tài sản, công sức gì vào khối tài sản chung của bố mẹ. Trường hợp bố mẹ không thể hòa giải thì anh chị không yêu cầu bố mẹ phải trích chia tài sản gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh C là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L: Không công nhận chị Trần Thị L và anh Trần Văn C là vợ chồng.

- Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Trần Văn C, anh C có nơi cư trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn, qua xác minh tại địa phương và tại UBND xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang thì chị L và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 và có hai người con chung. Hiện nay tại UBND xã Trù Hựu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang không còn lưu trữ sổ sách về việc đăng ký kết hôn trước năm 2001; tra cứu tại sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn giai đoạn từ năm 2001 đến nay thì không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn C. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn C và chị Trần Thị L không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Do trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, phía nguyên đơn chị Trần Thị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh Trần Văn C cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ

chồng giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn C là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn C có hai con chung là Trần Chung Ch, sinh năm 1999 và Trần Thị Lan A, sinh năm 2001. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L: Không công nhận chị Trần Thị L và anh Trần Văn C là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0001817 ngày 25/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Văn Khiết